

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 30/5/2022  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **NGUYỄN VĂN TƯ**

Ông **NGUYỄN VĂN HIỀN**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **NGUYỄN QUỐC H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

**- Bị đơn:** Chị **HUỖNH THỊ D** (Huỳnh Nhật D), sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T.

(Anh H có đơn xin vắng mặt, chị D vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 22/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Quốc H trình bày: Anh Nguyễn Quốc H và chị Huỳnh Thị D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn, vợ

chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, anh chị ly thân từ năm 2017 đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thiên V sinh ngày 30/10/1998, đã trưởng thành có gia đình riêng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay anh Nguyễn Quốc H yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị D

- Bị đơn chị Huỳnh Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Xét thấy, bị đơn chị Huỳnh Thị D cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa anh H, chị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Quốc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn chị Huỳnh Thị D nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, anh Nguyễn Quốc H và chị Huỳnh Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95 tại quyển số 01/2004 vào ngày 17/8/2004, đây là hôn nhân hợp pháp. Anh H yêu cầu Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng không hợp tính tình, anh, chị chính thức ly thân từ năm 2017 đến nay. Khi anh H có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho chị D nhưng chị không có ý kiến gì đối với yêu cầu

khởi kiện của anh H. Tại phiên tòa, chị D vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó cho thấy chị D đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa chị và anh H. Xét thấy, tình cảm vợ chồng anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho anh Nguyễn Quốc H được ly hôn với chị Huỳnh Thị D là phù hợp.

[3] **Về con chung:** anh H và chị D có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thiên V sinh ngày 30/10/1998, hiện nay đã trưởng thành có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Anh Nguyễn Quốc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Quốc H được ly hôn với chị Huỳnh Thị D (Huỳnh Nhật D).

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: anh Nguyễn Quốc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001789 ngày 28/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kim Ngọc**